TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 191/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29/9/2023
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Đức Mạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Bà Nguyễn Thị Tạc

- Thư ký toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu – Thư ký Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Diễm Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 29/9/2023, tại Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 525/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 181/2023/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y – Sinh năm: 1983, địa chỉ: Số H đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Phan Văn C – Sinh năm: 1982, địa chỉ: Số H đường A, thôn A, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày:*

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y kết hôn với ông Phan Văn C vào ngày 18/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân ông C nhiều lần cờ bạc dẫn đến nợ nần

phải bán nhà để trả nợ. Nay bản thân tôi nhận thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà Y và ông C có 03 con chung là: Phan Ngọc Tấn P, sinh ngày 03/8/2008; Phan Ngọc Gia B, sinh ngày 28/7/2010; Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/01/2021.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 03 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Ông Phan Văn C đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng:* Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Y; cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Phan Văn C.

Về con chung: Giao 03 cháu Phan Ngọc Tấn P, sinh ngày 03/8/2008; Phan Ngọc Gia B, sinh ngày 28/7/2010; Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, ông C không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến tự khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y, bị đơn ông Phan Văn C.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Y có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Phan Văn C không tham gia tố tụng. Vì vậy, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Phan Văn C theo quy định tại khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Phan Văn C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn vào ngày 18/02/2008 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, Hội đồng xét xử xét thấy quá trình chung sống vợ chồng bà Y, ông C có xảy ra mâu thuẫn, bà Nguyễn Thị Ngọc Y vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông Phan Văn C và ông C cũng không tham gia tố tụng nên không thể hiện ý chí muốn hàn gắn hôn nhân. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Phan Văn C đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y, cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn ông Phan Văn C.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y và ông Phan Văn C có 03 con chung là cháu Phan Ngọc Tấn P, sinh ngày 03/8/2008; Phan Ngọc Gia B, sinh ngày 28/7/2010; Phan Ngọc Bảo N, sinh ngày 28/01/2021, Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay bà Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu, các cháu đều có nguyện vọng sống với mẹ, do đó cần giao cho bà Y được trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Ông Phan Văn C được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bị đơn ông Phan Văn C không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 241, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc Y. Cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y được ly hôn với ông Phan Văn C.

- Về con chung: Giao các cháu Phan Ngọc Tấn P - Sinh ngày: 03/8/2008; cháu Phan Ngọc Gia B - Sinh ngày: 28/7/2010; Phan Ngọc Bảo N - Sinh ngày: 28/01/2021 cho bà Nguyễn Thị Ngọc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành.

Ông Phan Văn C được quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà Nguyễn Thị Ngọc Y đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0002743 ngày 09/6/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bị đơn ông Phan Văn C không phải chịu án phí.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời gian 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Vũ Đức Mạnh